



BẢN TIN PHÁP LUẬT

THÁNG 05/2022



NTB
LEGAL



72C Nguyễn Khang, Yên
Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội



024.2322.5888
0943.996.589



<http://ntblegal.vn>

NỘI DUNG

CÁC CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT MỚI CÓ HIỆU LỰC.....	1
1. Tăng thời gian học thực hành lái xe ô tô trên đường.....	1
2. Những điểm mới về phạt nguội khi tham gia giao thông.....	1
3. Đăng ký xe ở đâu từ ngày 21/5/2022.....	3
4. Tăng mức cho vay học sinh, sinh viên.....	5
5. Bổ sung trường hợp được miễn lệ phí cấp phép sử dụng tần số vô tuyến điện.....	5
6. Trình tự quyết định đưa người từ đủ 12 đến dưới 18 tuổi đi cai nghiện bắt buộc.....	6
GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT.....	8
1. Tổ chức, cá nhân được kinh doanh bất động sản dưới hình thức nào?.....	8
2. Khi nào hành khách bị cấm đi máy bay?.....	9
3. Phân biệt tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản và tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.....	10
4. Một người lập nhiều di chúc, bản nào có hiệu lực?.....	12
5. Đưa, nhận hối lộ bị xử lý thế nào?.....	12
6. Chưa nhận được CCCD gắn chip, có làm lại được không?.....	13
THỦ TỤC NHẬN TIỀN HỖ TRỢ THUÊ NHÀ TRỌ CHO NLĐ Ở HÀ NỘI.....	15
VĂN BẢN PHÁP LUẬT CÓ HIỆU LỰC TỪ THÁNG 5/2022.....	17
MẪU HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ TIỀN THUÊ NHÀ.....	20

CÁC CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT MỚI CÓ HIỆU LỰC

1. Tăng thời gian học thực hành lái xe ô tô trên đường

Vừa qua, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư 04/2022/TT-BGTVT sửa đổi Thông tư 12/2017/TT-BGTVT quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ. Trong đó, điều chỉnh thời gian học thực hành lái xe ô tô trên sân tập lái và trên đường giao thông.



Cụ thể, khoản 7 Điều 1 Thông tư 04/2022/TT-BGTVT điều chỉnh thời gian học thực hành lái xe ô tô trong chương trình đào tạo lái xe ô tô như sau:

- Đối với hạng B1 (học xe số tự động):

+ Giảm thời gian học thực hành trên sân tập lái từ 45 giờ xuống 41 giờ;

+ Tăng thời gian học thực hành trên đường giao thông từ 20 giờ lên 24 giờ.

- Đối với hạng B1 (học xe số cơ khí), hạng B2:

+ Giảm thời gian học thực hành trên sân tập lái từ 45 giờ xuống 41 giờ;

+ Tăng thời gian học thực hành trên đường giao thông từ 36 giờ lên 40 giờ.

- Đối với hạng C:

+ Giảm thời gian học thực hành trên sân tập lái từ 46 giờ xuống 43 giờ;

+ Tăng thời gian học thực hành trên đường giao thông từ 45 giờ lên 48 giờ.

Ngoài ra, khoản 9 Điều 1 Thông tư 04/2022/TT-BGTVT còn cho phép cơ sở đào tạo kéo dài thời gian trang bị và sử dụng ca bin mô phỏng học lái xe để đào tạo lái xe ô tô đến ngày 31/12/2022.

(Hiện nay, khoản 12 Điều 2 Thông tư 01/2021/TT-BGTVT quy định cơ sở đào tạo phải trang bị và sử dụng ca bin mô phỏng học lái xe để đào tạo lái xe ô tô từ ngày 01/7/2022.)

Thông tư 04/2022/TT-BGTVT có hiệu lực thi hành từ ngày 15/6/2022.

2. Những điểm mới về phạt nguội khi tham gia giao thông

Theo Thông tư 15/2022/TT-BCA của Bộ Công an về sửa đổi, bổ sung Thông tư 65/2020/TT-BCA, từ ngày 21/5/2022, cập nhật 05 điểm mới về phạt nguội như sau:

1. Tăng thời hạn xử lý phạt nguội lên 10 ngày

Khoản 2 Điều 4 Thông tư 15/2022/TT-BCA (bổ sung Điều 19a Thông tư 65/2020/TT-BCA) quy định trong trường hợp vi phạm nhưng không dừng được phương tiện giao thông người có thẩm quyền xử phạt thông qua phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ, tiến hành xử phạt trong thời hạn 10 ngày làm việc.

(Theo quy định hiện nay tại Thông tư 65/2020/TT-BCA, thời hạn xử lý phạt nguội là trong 05 ngày làm việc).



2. Được gửi kết quả phạt nguội đến Công an nơi người vi phạm cư trú để giải quyết

Theo khoản 2 Điều 4 Thông tư 15/2022/TT-BCA, khi xác định có hành vi vi phạm giao thông như không thể dừng phương tiện để xử lý ngay tại thời điểm vi phạm, người có thẩm quyền xử phạt của cơ quan Công an nơi phát hiện vi phạm thực hiện:

- Xác định thông tin về phương tiện giao thông, chủ phương tiện, tổ chức, cá nhân có liên quan đến vi phạm hành chính thông qua cơ quan đăng ký xe và Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư

- Trường hợp chủ phương tiện, tổ chức, cá nhân có liên quan đến vi phạm hành chính không cư trú, đóng trụ sở tại địa bàn cấp huyện nơi cơ quan Công an đã phát hiện vi phạm hành chính có thể chuyển kết quả thu thập được bằng phương tiện, kỹ thuật nghiệp vụ về nơi cư trú của người vi phạm để xử lý, cụ thể:

+ Trường hợp chuyển về Công an cấp xã nơi cư trú: nếu xác định vi phạm hành chính đó thuộc thẩm quyền xử phạt của Trưởng Công an cấp xã thì chuyển kết quả thu thập được Công an cấp xã nơi chủ phương tiện, tổ chức, cá nhân có liên quan đến vi phạm hành chính cư trú, đóng trụ sở (theo mẫu số 01/65/68) để giải quyết, xử lý vụ việc vi phạm (khi được trang bị hệ thống mạng kết nối gửi bằng phương thức điện tử);

+ Trường hợp chuyển về Công an cấp huyện nơi cư trú: kết quả phạt nguội gửi về cho Công an cấp huyện nơi chủ phương tiện, tổ chức, cá nhân có liên quan đến vi phạm hành chính cư trú, đóng trụ sở (theo mẫu số 01/65/68) xử lý nếu thuộc 01 trong 02 trường hợp:

Thứ nhất, nếu hành vi phạm hành chính không thuộc thẩm quyền xử phạt của Trưởng Công an cấp xã;

Thứ hai, thuộc thẩm quyền xử phạt của Trưởng Công an cấp xã nhưng Công an cấp xã chưa được trang bị hệ thống mạng kết nối.

(Hiện nay, sau khi xác minh thông tin về phương tiện giao thông, chủ phương tiện vi phạm giao thông, người có thẩm quyền xử phạt sẽ gửi thông báo bằng văn bản yêu cầu chủ phương tiện và cá nhân, tổ chức có liên quan (nếu có) đến trụ sở Công an nơi phát hiện vi phạm để giải quyết vụ việc vi phạm.

Nếu quá 15 ngày làm việc, kể từ ngày gửi thông báo vi phạm mà người điều khiển phương tiện vi phạm giao thông chưa đến trụ sở cơ quan Công an đã ra thông báo vi phạm để giải quyết vụ việc thì người có thẩm quyền xử phạt tiếp tục thực hiện gửi thông báo đến Công an cấp xã nơi chủ phương tiện cư trú, học tập, công tác hoặc nơi đặt trụ sở chính.)

3. Không cần quay lại nơi vi phạm giải quyết phạt nguội

Khoản 2 Điều 4 Thông tư 15/2022/TT-BCA cũng quy định nếu việc đi lại gặp khó khăn và không có điều kiện trực tiếp đến trụ sở cơ quan Công an nơi phát hiện vi phạm, thì cơ quan Công an nơi phát hiện vi phạm sẽ gửi thông báo yêu cầu người vi phạm đến trụ sở Công an cấp xã, Công an cấp huyện nơi cư trú, đóng trụ sở để giải quyết vụ việc.

Khi người vi phạm đến làm việc thì Trưởng Công an cấp xã, Trưởng Công an cấp huyện tiến hành lập biên bản và ra quyết định xử phạt vi phạm giao thông theo quy định.

(Hiện nay, khi bị phạt nguội, người vi phạm sẽ nhận được thông báo mời đến trụ sở Công an nơi phát hiện vi phạm để giải quyết vụ việc vi phạm. Trong trường hợp này, người bị phạt nguội buộc phải quay trở lại nơi vi phạm để giải quyết.

4. Tăng thời hạn gửi thông báo cảnh báo đăng kiểm ô tô

Theo Khoản 2 Điều 4 Thông tư 15/2022/TT-BCA, quá thời hạn 20 ngày (kể cả ngày nghỉ) kể từ ngày gửi thông báo vi phạm, người vi phạm không đến trụ sở cơ quan Công an nơi phát hiện vi phạm để giải quyết vụ việc

hoặc cơ quan Công an nơi phát hiện vi phạm chưa nhận được thông báo kết quả giải quyết, xử lý vụ việc của Công an cấp xã, Công an cấp huyện thì người có thẩm quyền xử phạt của cơ quan Công an nơi phát hiện vi phạm thực hiện:

- Cập nhật thông tin của phương tiện giao thông vi phạm lên Trang thông tin điện tử của Cục Cảnh sát giao thông để chủ phương tiện, tổ chức, cá nhân có liên quan đến vi phạm hành chính biết, liên hệ giải quyết theo quy định;

- Gửi thông báo cảnh báo phương tiện giao thông vi phạm cho cơ quan đăng kiểm (đối với phương tiện giao thông vi phạm là xe ô tô, rơ moóc, sơ mi rơ moóc, xe máy chuyên dùng); đồng thời, cập nhật trạng thái đã gửi thông báo cảnh báo cho cơ quan đăng kiểm trên hệ thống quản lý, xử lý vi phạm hành chính.

(Theo quy định hiện hành, quá thời hạn 15 ngày làm việc mà người vi phạm không đến Cơ quan công an nơi xảy ra vi phạm để giải quyết vụ việc thì người có thẩm quyền xử lý sẽ gửi thông báo cho cơ quan đăng kiểm (đối với chủ phương tiện xe ô tô, rơ moóc, sơ mi rơ moóc, xe máy chuyên dùng), để phối hợp xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt.)

5. Cho phép nộp phạt giao thông tại Cổng Dịch vụ công của Bộ Công an

Khoản 4 Điều 4 Thông tư 15/2022/TT-BCA đã bổ sung khoản 4 Điều 20 Thông tư 65/2020/TT-BCA, cho phép người vi phạm giao

3. Đăng ký xe ở đâu từ ngày 21/5/2022

Kể từ ngày 21/5/2022, Thông tư 15/2022/TT-BCA sửa đổi quy định về cơ quan đăng ký xe tại Thông tư 58/2020/TT-BCA có hiệu lực pháp luật. Vậy kể từ ngày 21/5/2022 có thể đăng ký xe ở đâu?

Tùy thuộc vào loại xe và chủ xe mà có thể tiến hành đăng ký xe tại các cơ quan đăng ký xe sau đây:

thông nộp phạt nguội thông qua Cổng Dịch vụ công của Bộ Công an.

Để thực hiện nộp phạt, người vi phạm thực hiện các bước sau:

Bước 1: Truy cập

<https://dichvucong.bocongan.gov.vn/>.

Bước 2: Chọn mục Đăng ký, Quản lý phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.

Bước 3: Chọn Nộp phạt xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ.

Bước 4: Chọn Nộp hồ sơ và thực hiện theo hướng dẫn của hệ thống để nộp phạt.

Hiện nay, người vi phạm giao thông còn có thể thực hiện nộp phạt theo 04 cách khác, quy định tại Điều 20 Nghị định 118/2021/NĐ-CP, bao gồm:

- Nộp tiền mặt trực tiếp tại Kho bạc Nhà nước hoặc ngân hàng thương mại nơi Kho bạc nhà nước mở tài khoản (có ghi trong quyết định xử phạt).

- Chuyển khoản vào tài khoản của Kho bạc nhà nước thông qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia hoặc dịch vụ thanh toán điện tử của ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán.

- Nộp phạt trực tiếp cho cho chiến sĩ Cảnh sát giao thông.

- Nộp tiền phạt qua dịch vụ bưu chính công ích.

1. Đăng ký xe tại Cục Cảnh sát giao thông

Cục Cảnh sát giao thông đăng ký, cấp biển số xe cho các loại xe sau:

- Xe của Bộ Công an;

- Xe ô tô của cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự, cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam và xe ô tô của người nước ngoài làm việc trong cơ quan đó;

- Xe ô tô của các cơ quan, tổ chức sau:
 - + Văn phòng và các Ban của Trung ương Đảng.
 - + Văn phòng Chủ tịch nước.
 - + Văn phòng Quốc hội.
 - + Văn phòng các Bộ, cơ quan ngang Bộ, các cơ quan thuộc Chính phủ.
 - + Văn phòng cơ quan Trung ương các tổ chức chính trị - xã hội (Mặt trận tổ quốc, Công đoàn Việt Nam, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Hội cựu chiến binh Việt Nam, Hội nông dân Việt Nam).
 - + Văn phòng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao.
 - + Văn phòng Tòa án nhân dân tối cao.
 - + Văn phòng Kiểm toán nhà nước.

2. Đăng ký xe tại Phòng Cảnh sát giao thông



Phòng Cảnh sát giao thông, Phòng Cảnh sát giao thông đường bộ - đường sắt, Phòng Cảnh sát giao thông đường bộ Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây viết gọn là Phòng Cảnh sát giao thông) đăng ký, cấp biển số đối với các loại xe sau:

Xe ô tô, xe máy kéo, rơmoóc, sơ mi rơmoóc và các loại xe có kết cấu tương tự xe nêu trên của cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài, của dự án, tổ chức kinh tế liên doanh với nước ngoài tại địa phương và cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, doanh nghiệp quân đội, cá nhân có trụ sở hoặc nơi thường trú tại quận, thành

phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương hoặc thành phố thuộc tỉnh nơi Phòng Cảnh sát giao thông đặt trụ sở (trừ các loại xe của cơ quan, tổ chức, cá nhân quy định tại mục (1)).

3. Đăng ký xe tại Công an cấp huyện

Công an quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây viết gọn là Công an cấp huyện) đăng ký, cấp biển số các loại xe sau đây (trừ các loại xe của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, doanh nghiệp quân đội, cá nhân tại mục (1), (2), (4)):

- Xe ô tô, xe máy kéo, rơmoóc, sơ mi rơmoóc và các loại xe có kết cấu tương tự xe nêu trên của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, doanh nghiệp quân đội, cá nhân trong nước có trụ sở hoặc nơi thường trú trên địa phương mình.

- Xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện) và các loại xe có kết cấu tương tự xe nêu trên của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, doanh nghiệp quân đội, cá nhân trong nước có trụ sở hoặc nơi thường trú tại địa phương mình và cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài, của dự án, tổ chức kinh tế liên doanh với nước ngoài tại địa phương mình.

4. Đăng ký xe tại Công an cấp xã

Công an xã, phường, thị trấn (sau đây viết gọn là Công an cấp xã) đăng ký, cấp biển số cho các loại xe sau đây:

- Xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện) của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, doanh nghiệp quân đội, cá nhân trong nước có trụ sở hoặc nơi thường trú tại địa phương mình và cơ quan, tổ chức, cá nhân người nước ngoài, của dự án, tổ chức kinh tế liên doanh với nước ngoài tại địa phương mình;

- Tổ chức thu hồi giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe hết niên hạn sử dụng, xe hỏng không sử dụng được của cơ quan, tổ chức, cá nhân có trụ sở hoặc nơi thường trú tại địa phương.

4. Tăng mức cho vay học sinh, sinh viên

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định 05/2022/QĐ-TTg sửa đổi, bổ sung Quyết định 157/2007/QĐ-TTg ngày 27/9/2007 về tín dụng đối với học sinh, sinh viên.

Theo đó, tăng mức cho vay tối đa đối với học sinh, sinh viên lên 04 triệu đồng/tháng từ ngày 19/5/2022.

Hiện nay, mức vay vốn tối đa đối với học sinh, sinh viên là 2,5 triệu đồng/tháng.

Ngoài ra, Quyết định 05/2022/QĐ-TTg còn sửa đổi đối tượng cho vay vốn đối với học sinh, sinh viên là thành viên của hộ gia đình thuộc một trong các đối tượng, cụ thể:

- Hộ nghèo theo chuẩn quy định của pháp luật;
- Hộ cận nghèo theo chuẩn quy định của pháp luật;

- Hộ có mức sống trung bình theo chuẩn quy định của pháp luật.



5. Bổ sung trường hợp được miễn lệ phí cấp phép sử dụng tần số vô tuyến điện

Bộ Tài chính vừa ban hành Thông tư số 11/2022/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Thông tư số 265/2016/TT-BTC về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện.



Theo đó, Thông tư số 11/2022/TT-BTC bổ sung các trường hợp được miễn lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện, gồm: a) Đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá; b)

Thiết bị đầu cuối vệ tinh phục vụ mục đích giám sát hành trình tàu cá.

Thông tư cũng nêu rõ, các trường hợp được miễn phí sử dụng tần số vô tuyến điện gồm: Đài vô tuyến điện của các cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự của nước ngoài, cơ quan đại diện tổ chức quốc tế tại Việt Nam, đoàn đại biểu cấp cao nước ngoài đến thăm Việt Nam thuộc diện ưu đãi, miễn trừ ngoại giao; Đài vô tuyến điện chỉ phục vụ trực tiếp an ninh, quốc phòng sử dụng tần số cho mục đích an ninh, quốc phòng theo quy định tại Điều 45 Luật Tần số vô tuyến điện; Đài vô tuyến điện phục vụ nhiệm vụ phòng chống thiên tai, lụt bão sử dụng các tần số cho mạng thông tin phòng chống thiên tai, lụt bão.

Bên cạnh đó, Đài vô tuyến điện sử dụng tần số cấp cứu, an toàn, tìm kiếm, cứu nạn theo quy định; Đài vô tuyến điện phục vụ trực tiếp việc tìm kiếm, cứu nạn thuộc Hệ thống tổ chức tìm

kiểm, cứu nạn của các Bộ, ngành Trung ương và địa phương; Đài vô tuyến điện của các tổ chức từ thiện phục vụ hoạt động nhân đạo; Đài vô tuyến điện thuộc mạng điện báo hệ đặc biệt phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước... cũng được miễn phí sử dụng tần số vô tuyến điện. Thông tư số 11 quy định lệ phí cấp giấy phép được tính cho từng giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện. Lệ phí gia hạn, cấp lại giấy phép, mức thu bằng 20% mức lệ phí cấp giấy phép.

Lệ phí sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép có mức thu bằng mức lệ phí cấp giấy phép. Trường hợp sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép không phải ấn định lại tần số hoặc phải ấn định lại tần số theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành thì mức thu bằng 20% mức lệ phí cấp giấy phép. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1/5/2022.

6. Trình tự quyết định đưa người từ đủ 12 đến dưới 18 tuổi đi cai nghiện bắt buộc

Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Pháp lệnh 01/2022/UBTVQH15 về trình tự, thủ tục Tòa án nhân dân xem xét, quyết định việc đưa người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.



Pháp lệnh 01/2022/UBTVQH15 hướng dẫn một số nội dung về việc đưa người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi đi cai nghiện bắt buộc, đơn cử như:

1. Thẩm quyền quyết định đưa người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi đi cai nghiện bắt buộc

- Tòa án có thẩm quyền xem xét, quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Tòa án nhân dân cấp huyện) nơi người bị đề nghị cư trú hoặc nơi có hành vi vi phạm trong trường hợp

không xác định được nơi cư trú của người bị đề nghị

- Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Tòa án nhân dân cấp tỉnh) có thẩm quyền xét lại quyết định của Tòa án nhân dân cấp huyện bị khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị

2. Trình tự quyết định đưa người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi đi cai nghiện bắt buộc

Pháp lệnh 01/2022/UBTVQH15 quy định trình tự, thủ tục quyết định đưa người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi đi cai nghiện bắt buộc gồm một số bước, đơn cử như sau

* Thời hạn xem xét, quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc

- Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án thụ lý hồ sơ đề nghị của Trưởng phòng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Tòa án phải ra một trong các quyết định sau:

- + Quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;
- + Quyết định không đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;
- + Quyết định đình chỉ việc xem xét, quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc
- + Quyết định tạm đình chỉ việc xem xét, quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Đối với vụ việc phức tạp, thời hạn này có thể kéo dài nhưng không quá 30 ngày.

* Nhận, thụ lý hồ sơ đề nghị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc

- Khi nhận được hồ sơ đề nghị của Trưởng phòng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chuyển đến, Tòa án phải vào sổ giao nhận; trường hợp hồ sơ không đủ tài liệu theo quy định tại khoản 4 Điều 34 của Luật Phòng, chống ma túy thì Tòa án trả lại hồ sơ và nêu rõ lý do

- Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 4 Điều 34 của Luật Phòng, chống ma túy, Tòa án phải thụ lý và phân công Thẩm phán xem xét, giải quyết.

* Phân công Thẩm phán xem xét, quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc

- Trong thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 9 của Pháp lệnh 01/2022/UBTVQH15, Chánh án Tòa án phân công Thẩm phán xem xét, quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Thẩm phán được phân công phải là người đã được đào tạo hoặc có kinh nghiệm giải quyết các vụ việc liên quan đến người dưới 18 tuổi hoặc có hiểu biết cần thiết về tâm lý học, khoa học giáo dục đối với người dưới 18 tuổi.

- Thẩm phán được phân công phải từ chối xem xét, quyết định nếu có căn cứ rõ ràng cho rằng họ có thể không vô tư trong khi làm nhiệm vụ.

- Trường hợp Thẩm phán được phân công không thể tiếp tục thực hiện nhiệm vụ hoặc thuộc trường hợp phải từ chối xem xét, quyết định thì Chánh án Tòa án phân công Thẩm phán khác xem xét, quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

* Thông báo về việc thụ lý hồ sơ

Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày thụ lý, Tòa án phải thông báo bằng văn bản về việc thụ lý hồ sơ cho Trưởng phòng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, người bị đề nghị, cha mẹ hoặc người giám hộ hoặc người đại diện hợp pháp của người bị đề nghị và Viện kiểm sát cùng cấp.

* Quyết định mở phiên họp xem xét, quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc

Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định mở phiên họp, Tòa án phải mở phiên họp xem xét, quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT**1. Tổ chức, cá nhân được kinh doanh bất động sản dưới hình thức nào?**

Pháp luật hiện hành quy định có nhiều hình thức kinh doanh bất động sản khác nhau, tuy nhiên mỗi loại chủ thể chỉ được kinh doanh bất động sản dưới một số hình thức nhất định.



*** Tổ chức, cá nhân trong nước** được kinh doanh bất động sản dưới các hình thức sau đây:

- Mua nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua;
- Thuê nhà, công trình xây dựng để cho thuê lại;
- Đối với đất được Nhà nước giao thì được đầu tư xây dựng nhà ở để bán, cho thuê, cho thuê mua; chuyển nhượng quyền sử dụng đất dưới hình thức phân lô, bán nền theo quy định của pháp luật về đất đai; đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng kỹ thuật đó;
- Đối với đất được Nhà nước cho thuê thì được đầu tư xây dựng nhà ở để cho thuê; đầu tư xây dựng nhà, công trình xây dựng không phải là nhà ở để bán, cho thuê, cho thuê mua
- Đối với đất được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất thì được đầu tư xây dựng nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua;
- Đối với đất nhận chuyển nhượng của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thì được đầu tư xây dựng

nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua;

- Đối với đất thuê của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thì được đầu tư xây dựng nhà, công trình xây dựng để cho thuê theo đúng mục đích sử dụng đất;

- Nhận chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản của chủ đầu tư để xây dựng nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua;

- Nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân để đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật để chuyển nhượng, cho thuê đất đã có hạ tầng kỹ thuật đó.

*** Người Việt Nam định cư ở nước ngoài** được kinh doanh bất động sản dưới các hình thức sau đây:

- Thuê nhà, công trình xây dựng để cho thuê lại;

- Đối với đất được Nhà nước cho thuê thì được đầu tư xây dựng nhà ở để cho thuê; đầu tư xây dựng nhà, công trình xây dựng không phải là nhà ở để bán, cho thuê, cho thuê mua;

- Đối với đất thuê của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thì được đầu tư xây dựng nhà, công trình xây dựng để cho thuê theo đúng mục đích sử dụng đất;

- Nhận chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản của chủ đầu tư để xây dựng nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua;

- Đối với đất được Nhà nước giao thì được đầu tư xây dựng nhà ở để bán, cho thuê, cho thuê mua;

- Đối với đất thuê, đất nhận chuyển nhượng trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế thì được đầu tư xây dựng nhà, công trình xây

dựng để kinh doanh theo đúng mục đích sử dụng đất.

* **Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài** được kinh doanh bất động sản dưới các hình thức sau đây:

- Thuê nhà, công trình xây dựng để cho thuê lại;
- Đối với đất được Nhà nước cho thuê thì được đầu tư xây dựng nhà ở để cho thuê; đầu tư xây dựng nhà, công trình xây dựng không phải là nhà ở để bán, cho thuê, cho thuê mua;

2. Khi nào hành khách bị cấm đi máy bay?

Để đảm bảo an ninh hàng không thì trong một số trường hợp hành khách sẽ bị cấm đi máy bay (vận chuyển bằng đường hàng không), vậy đó là những trường hợp nào?

1. Các trường hợp hành khách bị cấm đi máy bay

Hành khách rơi vào các trường hợp dưới đây sẽ bị cấm đi máy bay (cấm vận chuyển bằng đường hàng không):

* **Cấm đi máy bay có thời hạn từ 03 đến 12 tháng** đối với các đối tượng sau đây:

- Hành khách gây rối;
- Không thực hiện các quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng;
- Phát ngôn mang tính đe dọa sử dụng bom, mìn, chất nổ, vật liệu nổ, chất phóng xạ, vũ khí sinh học trong khu vực làm thủ tục vận chuyển, khu vực cách ly, sân bay, trên tàu bay;
- Cố ý tung tin, cung cấp thông tin sai về việc có bom, mìn, vật liệu nổ, chất nổ, chất phóng xạ, vũ khí sinh học gây ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của hoạt động hàng không dân dụng;
- Sử dụng giấy tờ giả để đi tàu bay;
- Có hành vi vi phạm trật tự công cộng, kỷ luật tại cảng hàng không, sân bay, trên tàu bay.

- Nhận chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản của chủ đầu tư để xây dựng nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua;

- Đối với đất được Nhà nước giao thì được đầu tư xây dựng nhà ở để bán, cho thuê, cho thuê mua;

- Đối với đất thuê trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế thì được đầu tư xây dựng nhà, công trình xây dựng để kinh doanh theo đúng mục đích sử dụng đất.



* **Cấm đi máy bay có thời hạn trên 12 tháng đến 24 tháng** đối với các trường hợp sau đây:

- Đối tượng đã bị xử lý nhưng vẫn vi phạm một trong những hành vi bị cấm vận chuyển có thời hạn từ 03 tháng đến 12 tháng;

- Người có hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng sau:

+ Xâm nhập trái pháp luật vào tàu bay, cảng hàng không, sân bay và công trình, trang bị, thiết bị hàng không dân dụng;

+ Đưa vật phẩm nguy hiểm vào tàu bay, cảng hàng không, sân bay và khu vực hạn chế khác trái pháp luật.

Vật phẩm nguy hiểm bao gồm vũ khí, đạn dược, chất cháy, chất dễ cháy, chất nổ, chất dễ nổ, chất độc hóa học và sinh học, chất phóng xạ

CÔNG TY LUẬT TNHH NTB LEGAL

Địa chỉ: Tầng 3, số 72C Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

Tel: 024.2322.5888 – 0943.996.589

Email: ntblegal@gmail.com

Website: <http://ntblegal.vn/>

và các vật hoặc chất khác có khả năng gây nguy hiểm hoặc được dùng để gây nguy hiểm cho sức khỏe, tính mạng của con người, an toàn của chuyến bay;

+ Cung cấp thông tin sai đến mức uy hiệp an toàn của tàu bay đang bay hoặc trên mặt đất; an toàn của hành khách, tổ bay, nhân viên mặt đất hoặc người tại cảng hàng không, sân bay và công trình, trang bị, thiết bị hàng không dân dụng;

+ Cố ý thực hiện hành vi vi phạm pháp luật uy hiệp đến an toàn khai thác tàu bay; khai thác cảng hàng không, sân bay; bảo đảm hoạt động bay.

* **Cấm đi máy bay vĩnh viễn** đối với các trường hợp sau đây:

- Đối tượng đã bị xử lý nhưng vẫn vi phạm một trong những trường hợp bị cấm vận chuyên có thời hạn từ 12 tháng đến 24 tháng;

- Người có hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng sau:

+ Chiếm đoạt bất hợp pháp tàu bay đang bay;

+ Chiếm đoạt bất hợp pháp tàu bay trên mặt đất;

+ Sử dụng tàu bay như một vũ khí;

+ Bắt giữ con tin trong tàu bay hoặc tại cảng hàng không, sân bay

- Chiếm đoạt, gây bạo loạn tại cảng hàng không, sân bay và cơ sở cung cấp dịch vụ điều hành bay.

2. Thảm quyền cấm hành khách đi máy bay

- Căn cứ tính chất mức độ vi phạm, Cục Hàng không Việt Nam quyết định cấm vận chuyên có thời hạn hoặc vĩnh viễn đối với các đối tượng trên.

- Quyết định cấm vận chuyên được áp dụng đối với các chuyến bay nội địa, chuyến bay quốc tế xuất phát từ Việt Nam của tất cả các hãng hàng không Việt Nam và nước ngoài.

3. Phân biệt tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản và tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản



Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản và tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản đều là 02 tội danh xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác. Dưới đây là một số đặc điểm cơ bản giúp phân biệt 02 tội danh này một cách chính xác:

Tiêu chí	Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản	Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản
Cơ sở pháp lý	Điều 174 BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017)	Điều 175 BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017)
Đối tượng	Tài sản bị chiếm đoạt do người khác quản lý, có thể là tài sản của Nhà nước	Tài sản bị chiếm đoạt do chính người phạm tội quản lý
Tính chất	Thủ đoạn gian dối và hành vi chiếm đoạt phải diễn ra trước	Sau khi được giao tài sản (hợp pháp) mới phát sinh hành vi chiếm đoạt
Hành vi	Thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác	Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận

CÔNG TY LUẬT TNHH NTB LEGAL

Địa chỉ: Tầng 3, số 72C Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

Tel: 024.2322.5888 – 0943.996.589

Email: ntblegal@gmail.com

Website: <http://ntblegal.vn/>

		<p>được tài sản của người khác bằng các hình thức hợp đồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản đó hoặc đến thời hạn trả lại tài sản mặc dù có điều kiện, khả năng nhưng cố tình không trả; - Đã sử dụng tài sản đó vào mục đích bất hợp pháp dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản. 		<p>sự chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;</p> <ul style="list-style-type: none"> + Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội; + Tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ. 	<p>án tích mà còn vi phạm;</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại hoặc tài sản có giá trị đặc biệt về mặt tinh thần đối với người bị hại. 	
Giá trị tài sản để định tội	<ul style="list-style-type: none"> - Trên 02 triệu đồng - Dưới 02 triệu đồng, thuộc các trường hợp: <ul style="list-style-type: none"> + Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm; + Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 175 và 290 Bộ luật Hình 	<ul style="list-style-type: none"> - Trên 04 triệu đồng - Dưới 04 triệu đồng, thuộc các trường hợp: <ul style="list-style-type: none"> + Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt + Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174 và 290 Bộ luật Hình 		Hình phạt	<ul style="list-style-type: none"> - Khung hình phạt cơ bản: phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm. - Mức phạt tối đa: phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân. - Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. 	<ul style="list-style-type: none"> - Khung hình phạt cơ bản: phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm - Mức phạt tối đa: thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm. - Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

4. Một người lập nhiều di chúc, bản nào có hiệu lực?

- Theo Điều 640 Bộ luật Dân sự 2015, người lập di chúc có thể sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ di chúc đã lập vào bất cứ lúc nào.

Trường hợp người lập di chúc bổ sung di chúc thì di chúc đã lập và phần bổ sung có hiệu lực pháp luật như nhau; nếu một phần của di chúc đã lập và phần bổ sung mâu thuẫn nhau thì chỉ phần bổ sung có hiệu lực pháp luật.



Trường hợp người lập di chúc thay thế di chúc bằng di chúc mới thì di chúc trước bị hủy bỏ.

5. Đưa, nhận hối lộ bị xử lý thế nào?

Đưa, nhận hối lộ là một trong những hành vi tham nhũng được quy định tại nhiều văn bản pháp luật. Vậy đưa, nhận hối lộ bị xử lý thế nào?

1. Xử lý hình sự với hành vi đưa, nhận hối lộ

1.1. Đưa hối lộ

Người nào trực tiếp hay qua trung gian đã đưa hoặc sẽ đưa cho người có chức vụ, quyền hạn hoặc người khác hoặc tổ chức khác bất kỳ lợi ích nào sau đây để người có chức vụ, quyền hạn làm hoặc không làm một việc vì lợi ích hoặc theo yêu cầu của người đưa hối lộ, thì tùy theo trường hợp mà có thể bị phạt tiền đến 200 triệu đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù đến 20 năm.

(Điều 364 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017)

- Đồng thời, khoản 5 Điều 643 Bộ luật dân sự 2015 cũng quy định khi một người để lại nhiều bản di chúc đối với một tài sản thì chỉ bản di chúc sau cùng có hiệu lực.

Căn cứ các quy định nêu trên, pháp luật không cấm việc một người lập nhiều di chúc cho nhiều phần tài sản. Trong trường hợp một tài sản được nhắc đến trong nhiều bản di chúc thì bản di chúc sau cùng sẽ được xem là có hiệu lực.

Ngoài ra, theo quy định tại Điều 56 Luật Công chứng 2014, khi một di chúc được công chứng, chứng thực sau đó người lập di chúc muốn sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ một phần hoặc toàn bộ di chúc thì có thể yêu cầu bất kỳ công chứng viên nào thực hiện. Như vậy, người lập di chúc cũng có thể sửa đổi, bổ sung di chúc đã lập bất cứ lúc nào hoặc lập di chúc mới thay thế cho bản cũ.

1.2. Nhận hối lộ

Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn trực tiếp hoặc qua trung gian nhận hoặc sẽ nhận bất kỳ lợi ích nào sau đây cho chính bản thân người đó hoặc cho người hoặc tổ chức khác để làm hoặc không làm một việc vì lợi ích hoặc theo yêu cầu của người đưa hối lộ thì có thể bị phạt tù với mức thấp nhất là 02 năm, mức cao nhất là tử hình.

(Điều 354 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017)



2. Xử lý hành chính với hành vi đưa, nhận hối lộ

Người có hành vi đưa, nhận hối lộ có thể bị xử lý hành chính với các mức như sau:

- Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với hành vi đưa, môi giới, nhận hối lộ trong việc đăng ký, quản lý cư trú.
- Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với hành vi đưa tiền, tài sản, lợi ích vật

chất khác hoặc lợi ích phi vật chất hối lộ cho người thi hành công vụ.

(Điều 9, 21 Nghị định 144/2021/NĐ-CP)

3. Xử lý kỷ luật với hành vi đưa, nhận hối lộ

Cán bộ, công chức, viên chức có hành vi vi phạm quy định về phòng, chống tham nhũng chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự thì bị áp dụng thức thức kỷ luật khiển trách hoặc cảnh cáo. Đối với cán bộ, công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý thì có thể bị áp dụng hình thức kỷ luật giáng chức hoặc cách chức.

Trường hợp công chức, viên chức bị Tòa án kết án về hành vi tham nhũng, trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định, bản án có hiệu lực pháp luật của Tòa án, cấp có thẩm quyền xử lý kỷ luật ra quyết định kỷ luật buộc thôi việc.

(Khoản 4 Điều 8, khoản 5 Điều 16, khoản 2 Điều 30, khoản 2 Điều 37 Nghị định 112/2020/NĐ-CP)

6. Chưa nhận được CCCD gắn chip, có làm lại được không?

Hiện nay, nhiều người dân sau một thời gian chờ đợi khá lâu nhưng vẫn chưa nhận được căn cước công dân gắn chip bởi nhiều lý do khác nhau. Vậy những trường hợp này có được tiến hành làm thủ tục cấp căn cước công dân mới hay không?

1. Thời gian trả thẻ khi làm căn cước công dân gắn chip

Theo quy định tại Điều 25 Luật Căn cước công dân 2014, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại Luật Căn cước công dân 2014, cơ quan quản lý căn cước công dân gắn chip phải cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân gắn chip cho công dân trong thời hạn sau đây:

- Tại thành phố, thị xã:
 - + Không quá 07 ngày làm việc nếu cấp mới và đổi;
 - + Không quá 15 ngày làm việc nếu cấp lại.

- Tại các huyện miền núi vùng cao, biên giới, hải đảo: Không quá 20 ngày làm việc đối với tất cả các trường hợp.

- Tại các khu vực còn lại không quá 15 ngày làm việc đối với tất cả các trường hợp.



Lưu ý: thời gian trả thẻ căn cước công dân gắn chip có thể kéo dài hơn so với Luật quy định

vì hiện tại số lượng người yêu cầu cấp thẻ Căn cước công dân gần gấp quá lớn dẫn đến cơ quan thẩm quyền quá tải và nhiều nguyên nhân khác quan cũng như chủ quan khác.

2. Vẫn chưa nhận được CCCD gắn chip, có làm lại được không?

Nếu thời hạn trả thẻ căn cước công dân gắn chip đã qua khá lâu mà vẫn chưa nhận được thẻ, người dân có thể gọi đến tổng đài 1900 0368 và nhấn phím 4 để nghe thông tin tình trạng làm thẻ hoặc liên hệ với cơ quan Công an quận/huyện nơi làm căn cước công dân.

Nếu có nhu cầu, người dân vẫn có thể tiến hành thủ tục cấp thẻ căn cước công dân gắn chip mới bởi pháp luật có quy định rõ về quyền yêu cầu cấp thẻ của công dân tại Điều 23 Luật Căn cước công dân 2014.

Thẻ Căn cước công dân được đổi trong các trường hợp sau đây:

- Các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 21 Luật Căn cước công dân 2014;
- Thẻ bị hư hỏng không sử dụng được;
- Thay đổi thông tin về họ, chữ đệm, tên; đặc điểm nhân dạng;
- Có sai sót về thông tin trên thẻ Căn cước công dân;
- Khi công dân có yêu cầu.

Thẻ Căn cước công dân được cấp lại trong các trường hợp sau đây:

- Xác định lại giới tính, quê quán;
- Bị mất thẻ Căn cước công dân;
- Được trở lại quốc tịch Việt Nam theo quy định của Luật quốc tịch Việt Nam.

3. Lệ phí làm CCCD gắn chip mới nhất năm 2022

Hiện tại, mức thu lệ phí cấp thẻ căn cước công dân gắn chip vẫn được giảm 50% theo Thông tư 120/2021/TT-BTC do ảnh hưởng

của dịch covid-19. Từ ngày 01/7/2022, mức thu lệ phí này sẽ không còn được giảm nữa, bằng với mức thu lệ phí quy định tại Điều 4 Thông tư 59/2019/TT-BTC. Chi tiết xem tại bảng sau đây:

Mức thu lệ phí	Đến 30/6/2022	Từ 01/07/2022
Chuyển từ CMND 9 số, CMND 12 số sang cấp thẻ CCCD	15.000 đồng/thẻ CCCD	30.000 đồng/thẻ CCCD
Đổi thẻ CCCD khi bị hư hỏng không sử dụng được; thay đổi thông tin về họ, chữ đệm, tên; đặc điểm nhân dạng; xác định lại giới tính, quê quán; có sai sót về thông tin trên thẻ; khi công dân có yêu cầu	25.000 đồng/thẻ CCCD	50.000 đồng/thẻ CCCD
Cấp lại thẻ CCCD khi bị mất thẻ CCCD, được trở lại quốc tịch Việt Nam theo quy định của Luật quốc tịch Việt Nam	35.000 đồng/thẻ CCCD	70.000 đồng/thẻ CCCD

THỦ TỤC NHẬN TIỀN HỖ TRỢ THUÊ NHÀ TRỢ CHO NLD Ở HÀ NỘI

1. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ tiền thuê nhà

Hồ sơ đề nghị hỗ trợ thực hiện theo quy định Quyết định 08/2022/QĐ-TTg, bao gồm:

- Mẫu đề nghị hỗ trợ tiền thuê nhà - Mẫu số 01 (NLD tự chuẩn bị);
- Danh sách người lao động đề nghị hỗ trợ tiền thuê nhà - Mẫu số 02 (Doanh nghiệp tổng hợp).

Mẫu hồ sơ đề nghị hỗ trợ được đính kèm ở cuối bản tin



2. Thủ tục đề nghị hỗ trợ tiền thuê nhà

Bước 1: NLD có nhu cầu hỗ trợ gửi đề nghị hỗ trợ tiền thuê nhà (Mẫu số 01) về cho doanh nghiệp tổng hợp.

NLD chịu trách nhiệm về tính chính xác thông tin theo khoản 1 Điều 4 Quyết định 08/2022/QĐ-TTg.

Bước 2: Doanh nghiệp tổng hợp danh sách NLD đề nghị hỗ trợ (Mẫu số 02) và niêm yết công khai tại nơi làm việc ít nhất 03 ngày làm việc.

Trường hợp có ý kiến phản ánh về đối tượng và điều kiện hỗ trợ, doanh nghiệp phải tiến hành xác minh đảm bảo đúng đối tượng và điều kiện hỗ trợ theo quy định tại Điều 4 Quyết định 08/2022/QĐ-TTg trong 02 ngày làm việc.

Bước 3: Doanh nghiệp gửi danh sách NLD đề nghị hỗ trợ đã tổng hợp hoàn chỉnh đến cơ quan BHXH nơi doanh nghiệp trích nộp BHXH

để xác nhận NLD đang tham gia BHXH bắt buộc.

Doanh nghiệp chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực thông tin của người lao động theo khoản 2, 3 Điều 4 Quyết định 08/2022/QĐ-TTg.

Lưu ý:

- Doanh nghiệp lập danh sách người lao động đề nghị hỗ trợ tiền thuê nhà theo từng tháng và có thể đề nghị cơ quan bảo hiểm xã hội xác nhận gộp 02 tháng hoặc 03 tháng.

- Đối với đơn vị thực hiện giao dịch điện tử với cơ quan bảo hiểm xã hội thì nhận mẫu xác nhận (Mẫu số 02) có chữ ký số của cơ quan bảo hiểm xã hội qua giao dịch điện tử.

Bước 4: Sau khi xác nhận tình trạng tham gia BHXH của NLD, doanh nghiệp gửi hồ sơ đến UBND cấp huyện nơi đặt trụ sở chính hoặc chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm sản xuất, kinh doanh. Doanh nghiệp có thể gửi hồ sơ đề nghị hỗ trợ gộp 02 tháng hoặc 03 tháng.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ: **chậm nhất đến hết ngày 15/8/2022.**

Bước 5: UBND cấp huyện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ cho NLD:

- Trong 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, UBND cấp huyện thực hiện tiếp nhận, giải quyết như sau:

+ Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Công an, phòng Kinh tế, phòng Tài chính - Kế hoạch và các đơn vị liên quan tổ chức thẩm định hồ sơ và trình UBND cấp huyện quyết định phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ.

+ UBND cấp huyện phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ. Trường hợp không phê duyệt phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Trong 02 ngày làm việc tiếp theo: sau khi ban hành Quyết định, UBND cấp huyện giao phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện chi trả kinh phí hỗ trợ.

- Trong 02 ngày làm việc tiếp theo kể từ ngày nhận được kinh phí hỗ trợ của UBND cấp

huyện, doanh nghiệp thực hiện chi trả cho người lao động.

- Sau cùng, trong 05 ngày làm việc kể từ ngày chi trả xong cho NLĐ, doanh nghiệp hoàn thiện hồ sơ thanh, quyết toán gửi phòng Lao động - Thương binh và Xã hội để thực hiện thanh, quyết toán kinh phí hỗ trợ theo quy định.

VĂN BẢN PHÁP LUẬT CÓ HIỆU LỰC TỪ THÁNG 5/2022

Lĩnh vực	STT	Nội dung	Ngày ban hành	Ngày có hiệu lực	Cơ quan ban hành
Doanh nghiệp	1	Thông tư 21/2021/TT-BNNPTNT quy định về phân loại doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành	29/12/2021	01/05/2022	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
Đầu tư	2	Thông tư 02/2022/TT-BKHĐT hướng dẫn về công tác giám sát, đánh giá đầu tư đối với hoạt động đầu tư nước ngoài tại Việt Nam do Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành	07/04/2022	25/05/2022	Bộ Tài chính
Thương mại	3	Thông tư 05/2022/TT-BCT quy định về Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Đối tác Kinh tế toàn diện khu vực do Bộ trưởng Bộ Công thương ban hành	18/02/2022	04/04/2022	Bộ trưởng Bộ Công Thương
	4	Thông tư 07/2022/TT-BCT hướng dẫn thực hiện các biện pháp phòng vệ thương mại trong Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực do Bộ trưởng Bộ Công thương ban hành	23/03/2022	08/05/2022	Bộ Công thương
Ngân hàng	5	Thông tư 02/2022/TT-NHNN sửa đổi Thông tư 08/2021/TT-NHNN quy định về cho vay đặc biệt đối với tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành	31/03/2022	24/05/2022	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
Thuế, phí, lệ phí	6	Thông tư 11/2022/TT-BTC sửa đổi Thông tư 265/2016/TT-BTC quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện và phí sử dụng tần số vô tuyến điện do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành	21/02/2022	01/05/2022	Bộ Tài chính
Kế toán - Kiểm toán	7	Quyết định 01/2022/QĐ-KTNN quy định về trình tự lập, thẩm định,	18/03/2022	02/05/2022	Kiểm toán Nhà nước

CÔNG TY LUẬT TNHH NTB LEGAL

Địa chỉ: Tầng 3, số 72C Nguyễn Khang, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

Tel: 024.2322.5888 – 0943.996.589

Email: ntblegal@gmail.comWebsite: <http://ntblegal.vn/>

		xét duyệt và phát hành báo cáo kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước			
Lao động	8	Thông tư 22/2022/TT-BQP quy định về điều chỉnh trợ cấp hằng tháng đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành	02/04/2022	16/05/2022	Bộ Quốc phòng
	9	Thông tư 05/2022/TT-BLĐTBXH quy định về liên kết tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trong giáo dục nghề nghiệp do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành	05/04/2022	20/05/2022	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
	10	Thông tư 14/2022/TT-BCA quy định về điều chỉnh mức trợ cấp hằng tháng đối tượng hưởng trợ cấp hằng tháng theo quy định tại Quyết định 53/2010/QĐ-TTg và 62/2011/QĐ-TTg do Bộ trưởng Bộ Công an ban hành	06/04/2022	21/05/2022	Bộ Công An
Bộ máy hành chính	11	Quyết định 1303/QĐ-BNN-TCLN năm 2022 công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	13/04/2022	01/05/2022	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
	12	Thông tư 22/2022/TT-BQP quy định về điều chỉnh trợ cấp hằng tháng đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành	02/04/2022	16/05/2022	Bộ Quốc phòng
	13	Thông tư 14/2022/TT-BCA quy định về điều chỉnh mức trợ cấp hằng tháng đối với cán bộ Công an thuộc đối tượng hưởng trợ cấp hằng tháng theo quy định tại Quyết định	06/04/2022 dd	21/05/2022	Bộ Công An

		53/2010/QĐ-TTg và 62/2011/QĐ-TTg do Bộ trưởng Bộ Công an ban hành			
Văn hoá – Xã hội	14	Thông tư 15/2022/TT-BTC quy định về quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành	04/03/2022	01/05/2022	Bộ Tài chính
	15	Nghị định 22/2022/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 32/2012/NĐ-CP về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh	25/03/2022	10/05/2022	Chính phủ
	16	Thông tư 02/2022/TT-BLĐTBXH sửa đổi Thông tư 07/2021/TT-BLĐTBXH hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 và mẫu biểu báo cáo do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành	30/03/2022	15/05/2022	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
	17	Thông tư 03/2022/TT-BLĐTBXH quy định về Danh mục nhà tù và những nơi được coi là nhà tù để xem xét công nhận người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ Tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành	30/03/2022	15/05/2022	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

MẪU HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ TIỀN THUÊ NHÀ

- Đối với người lao động: Giấy đề nghị hỗ trợ tiền thuê nhà theo mẫu số 1.
[mẫu số 1.](#)
- Đối với người sử dụng lao động: Danh sách người lao động đề nghị hỗ trợ tiền thuê nhà theo mẫu số 2.
[mẫu số 2.](#)